**Thông báo dự thảo và quy định có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động,**

**thực vật của thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ ngày 21/6-20/7/2023**

**1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia/khu vực** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/KOR/785 | ATTP, BVTV, TY, CLCB | Hàn Quốc | 20/7/2023 | Đề xuất Sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho Thực phẩm. | Bản sửa đổi đề xuất:  1. Rà soát định nghĩa, tiêu chuẩn, quy cách của một số loại thực phẩm;  2. Xem lại danh sách "Thành phần được phép sử dụng trong thực phẩm" bằng cách thêm mới 105 thành phần bao gồm *"Lilium hansonii";*  3. Rà soát, xây dựng mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật đối với nông sản [114 loại thuốc trừ sâu bao gồm Glyphosate];  4. Rà soát mức dư lượng tối đa của thuốc thú y đối với thủy sản [Febantel/Fenbendazole/Oxfendazole];  5. Rà soát, xây dựng phương pháp kiểm tra chung;  6. Rà soát một số thuật ngữ để làm rõ và hài hòa. |
| 2 | G/SPS/N/KOR/784 | ATTP, BVTV, TY, CLCB | Hàn Quốc | 20/7/2023 | Đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm | Bản sửa đổi đề xuất:  1. Rà soát tiêu chuẩn về vi khuẩn Salmonella trong trứng;  2. Hạn chế và loại bỏ việc sử dụng nguyên liệu thực phẩm trong [Phụ lục 1] và [Phụ lục 2];  3. Rà soát giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật [Simazine] đối với nông sản |
| 3 | G/SPS/N/KGZ/28 | ATTP, TY | Cộng hòa Kyrgyz | 20/7/2023 | Dự thảo Quyết định của Hội đồng Kinh tế Á-Âu. Ủy ban sửa đổi các quy tắc điều chỉnh lưu thông thuốc thú y trong Lãnh thổ Hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu. | Dự thảo quy định khả năng đơn giản hóa thủ tục để đưa hồ sơ đăng ký sản phẩm thuốc thú y phù hợp với các yêu cầu của Quy tắc đối với một số nhóm sản phẩm thuốc thú y. Dự thảo cũng cũng bao gồm các sửa đổi kỹ thuật. |
| 4 | G/SPS/N/EU/661 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 20/7/2023 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2023/1417 ngày 5 tháng 7 năm 2023 liên quan đến việc cấp phép axit butyric, etyl butyrat, etyl isobutyrat, etyl isovaleratmetyl isovalerat, axit 2-metyl-2-pentenoic, 6-metylhept5-en-2-one, undecan-2-one, octan-2-one, nonan-2-one, octan-3-one, tridecan-2-one, 5-metylhept-2-en-4-one, dodecane-1,5-lactone, tetradecane-1,5-lactone, 5-metylfurfural, 4-phenylbut-3-en-2-one, rượu p-anisyl, 4-methoxybenzaldehyd, piperonal, vanilin, p-anisyl axetat, benzyl benzoat, isobutyl salicylat, isopentyl  salicylate, benzyl salicylate và diphenyl etherlàm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật. | Các chất axit butyric, etyl butyrat, etyl isobutyrat, etyl isovaleratmetyl isovalerat, axit 2-metyl-2-pentenoic, 6-metylhept5-en-2-one, undecan-2-one, octan-2-one, nonan-2-one, octan-3-one, tridecan-2-one, 5-metylhept-2-en-4-one, dodecane-1,5-lactone, tetradecane-1,5-lactone, 5-metylfurfural, 4-phenylbut-3-en-2-one, rượu p-anisyl, 4-methoxybenzaldehyd, piperonal, vanilin, p-anisyl axetat, benzyl benzoat, isobutyl salicylat, isopentyl salicylate, benzyl salicylate và diphenyl ether được phê duyệt theo Đạo luật cho phép làm phụ gia thức ăn chăn nuôi bao gồm trong nhóm chức năng của các hợp chất hương liệu. Các đề nghị đã được gửi cho cấp phép lại các chất này theo điều 10 của Quy định (EC) No 1831/2003. Các chất này được đánh giá tích cực của Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu, các chất này được cấp phép lại làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật, theo một số điều kiện nhất định. Một giai đoạn chuyển tiếp cho các bên quan tâm để đáp ứng mới yêu cầu mới. |
| 5 | G/SPS/N/EU/660 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 20/7/2023 | Ủy ban Thực thi Quy định (EU) 2023/565 của ngày 10 tháng 3 năm 2023 liên quan đến việc cấp phép etyl heptanoat, etyl 2-metylbutyrat, isopentyl axetat, 3-metylbutyl 3-metylbutyrat, axit 2-metylpropionic, 3-metylbutyl butyrat, 2-metylbutylacetat, hex-2-en-1-ol, hex-2(trans)-enal, allyl hexanoate, allyl heptanoate, linalool, 2-metyl-1-phenylpropan-2-ol, alpha-ionone, beta-damascone, nootkatone, beta-ionone, alpha-irone, beta-damascenone, (E)-beta-damascone, pentadecano-1,15-lactone, 2-phenylethan-1-ol, phenetyl isovalerat, 4-(phydroxyphenyl) butan-2-one, 2-methoxynaphthalene, 2-isopropyl-4-metylthiazole và valence làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. | Các chất etyl heptanoat, etyl 2-metylbutyrat, isopentyl axetat, 3-metylbutyl 3-metylbutyrat, axit 2-metylpropionic, 3-metylbutyl butyrat, 2-metylbutylacetat, hex-2-en-1-ol, hex-2(trans)-enal, allyl hexanoate, allyl heptanoate, linalool, 2-metyl-1-phenylpropan-2-ol, alpha-ionone, beta-damascone, nootkatone, beta-ionone, alpha-irone, beta-damascenone, (E)-beta-damascone, pentadecano-1,15-lactone, 2-phenylethan-1-ol, phenetyl isovalerat, 4-(phydroxyphenyl) butan-2-one, 2-methoxynaphthalene, 2-isopropyl-4-metylthiazole và valence được phê duyệt theo Đạo luật cho phép làm phụ gia thức ăn chăn nuôi bao gồm trong nhóm chức năng của các hợp chất hương liệu. Các đề nghị đã được gửi cho cấp phép lại các chất này theo điều 10 của Quy định (EC) No 1831/2003. Các chất này được đánh giá tích cực của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu, các chất này được cấp phép lại làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật, theo một số điều kiện nhất định. Một giai đoạn chuyển tiếp cho các bên quan tâm để đáp ứng mới yêu cầu mới. |
| 6 | G/SPS/N/USA/3397 /Corr.1 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 19/7/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu Aluminum tris (O-ethylphosphonate). Quy tắc cuối cùng | Miễn trừ và dung sai đối với dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm - Điều chỉnh CFR  Quy tắc này được công khai bởi Văn phòng Đăng ký Liên bang để sửa lỗi biên tập hoặc kỹ thuật  lỗi xuất hiện trong bản sửa đổi hàng năm gần đây nhất của Bộ luật Quy định Liên bang.  Trong Tiêu đề 40 của Bộ luật Quy định Liên bang, Phần 150 đến 189, được sửa đổi vào ngày 01 tháng 7 năm 2022, trong phần 180.415, trong bảng của đoạn (a), sửa lại mục từ "Ớt/cà tím, phân nhóm 8-10" để thêm vào một chú thích để đọc như sau:  Sec 180.415 Aluminum tris (O-etylphosphonat); dung sai cho dư lượng.  https://www.govinfo.gov/content/pkg/FR-2023-06-15/html/2023-12936.htm |
| 7 | G/SPS/N/KEN/220 | CT | Kenya | 19/7/2023 | CD/F/02/:2022, Mì ăn liền – Đặc điểm kỹ thuật | Dự thảo tiêu chuẩn Kenya này chỉ định các yêu cầu và phương pháp kiểm tra cho mì ăn liền. Dự thảo tiêu chuẩn loại trừ các sản phẩm mì ống thuộc phạm vi KS524. |
| 8 | G/SPS/N/EU/659 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 19/7/2023 | Quy định Thực thi (EU) 2023/54 của ngày 4 tháng 01 năm 2023 sửa đổi Quy định (EU) 2022/652 liên quan đến cấp phép chiết xuất cam đắng làm phụ gia thức ăn cho một số loài động vật | Việc sử dụng chiết xuất cam đắng làm phụ gia thức ăn chăn nuôi đã được cho phép đối với một số loài động vật theo Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2022/652. Vị đắng chiết xuất cam được biết là có chứa 10 đến 20% neohesperidin, như chi tiết trong cột “Thành phần, công thức hóa học, mô tả, phương pháp phân tích” trong Phụ lục của Quy định Thực thi (EU) 2022/652. Một giả định không chính xác về một mối quan hệ giữa neohesperidin được xác định bằng số CAS 13241-33-3 và neohesperidin dihydrochalcone được xác định bằng số CAS 20702-77-6, có tên tương tự nhưng là một chất riêng biệt, dẫn đến điểm 3 của cột "Các quy định khác" trong Phụ lục của Quy định Thực thi (EU) 2022/652, quy định nhầm lẫn về việc loại trừ việc sử dụng chiết xuất cam đắng kết hợp với neohesperidin dihydrochalcone. Ủy ban Thực thi Quy định (EU) 2023/54 sửa lỗi này. |
| 9 | G/SPS/N/EU/658 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 19/7/2023 | Quy định Thực thi (EU) 2023/605 của ngày 9 tháng 3 năm 2023 liên quan đến việc cấp phép etyl oleat, nona-2,6-dien-1-ol, pent-2-en1-ol, trans-2,cis-6-nonadien-1-ol, 2-dodecenal, nona-2(trans),6(cis)-dienal, nona-2,4- dienal, trans-2-nonenal, 2,4-decadienal, hepta-2,4-dienal, deca-2(trans),4(trans)-dienal,  dodec-2(trans)-enal, hept-2(trans)-enal,non-2-enal, nona-2(trans),6(trans)-dienal, undec2(trans)-enal, trans-2-octenal, trans-2-decenal, tr-2,tr-4-nonadienal, tr-2, tr-4-  undecadienal, hex-2(trans)-enyl axetat, hex-2-enyl butyrat, oct-1-en-3-one, isopulegol,  4-terpinenol, linalyl butyrate, linalyl formate, linalyl propionate, linalylisobutyrate,  3-metyl-2-xyclopenten-1-one, metyl 3-oxo-2-pentyl-1-xyclopentylacetat,  benzophenon, benzyl cinnamate, etyl salicylat, 1,2-dimethoxy-4-(prop-1-enyl)-  benzen, myrcene và β-ocimene làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. | Các chất được quy định trong Đạo luật này ban đầu được nhập vào sổ đăng ký phụ gia thức ăn chăn nuôi là sản phẩm hiện có thuộc nhóm chức năng của hợp chất hương liệu. Một số kiến nghị đã được đệ trình để phê chuẩn các chất này theo Quy định (EC) số 1831/2003. Hơn nữa sự đánh giá thuận lợi của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu, các chất này được cho phép làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật, tuân theo các điều kiện nhất định. Một giai đoạn chuyển tiếp được đặt ra để các bên quan tâm tự chuẩn bị để đáp ứng các yêu cầu mới phát sinh từ việc cho phép. |
| 10 | G/SPS/N/EU/657 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 19/7/2023 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2023/1341 ngày 30 tháng 6 năm 2023 liên quan đến việc gia hạn cấp phép cho Lactiplantibacillus plantarum DSM12836, Lactiplantibacillus plantarum DSM 12837, Lentilactobacillus buchneri DSM 16774, Pediococcus acidilactici DSM 16243, Pediococcus pentosaceus DSM 12834, Lacticaseibacillus paracasei DSM 16245, Levilactobacillus brevis DSM 12835, Lacticaseibacillus rhamnosus NCIMB 30121, Lactococcus lactis NCIMB 30160, Lentilactobacillus buchneri DSM 12856 và Lactococcus lactisDSM 11037 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật và bãi bỏ thực thi Quy định (EU) số 1263/2011. | Các chế phẩm được quy định trong Đạo luật này ban được phép sử dụng thời hạn mười năm làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật bởi Ủy ban Thực thi Quy định (EU) số 1263/2011. Một số kiến nghị đã được gửi để gia hạn cho các chất này. Được sự đánh giá thuận lợi của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu, việc cấp phép cho các chế phẩm này sẽ được gia hạn, tùy thuộc vào các điều kiện nhất định. Một giai đoạn chuyển tiếp được đặt ra để các bên quan tâm tự chuẩn bị để đáp ứng các yêu cầu mới phát sinh từ việc ủy ​​quyền. |
| 11 | G/SPS/N/EU/656 | TY | Liên minh châu Âu | 18/7/2023 | ỦY BAN THỰC THI QUY ĐỊNH (EU) …/... sửa đổi Phụ lục III của Quy định thực thi (EU) 2020/2235 và Phụ lục II của  Quy định Thực thi (EU) 2021/403 liên quan đến mẫu giấy chứng nhận để nhập vào Liên minh gồm động vật và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật và một số loại động vật cụ thể. | Điều 118 (1) của Quy định (EU) 2019/6 yêu cầu nhà xuất khẩu sản phẩm động vật từ nước thứ ba xuất khẩu động vật hoặc sản phẩm có nguồn gốc từ động vật sang Liên minh châu Âu tuân thủ việc cấm sử dụng các sản phẩm thuốc kháng vi sinh vật nhằm mục đích thúc đẩy tăng trưởng hoặc để tăng năng suất, việc sử dụng thuốc chống vi trùng đã được dành riêng cho điều trị một số bệnh nhiễm trùng ở người.  Quy định ủy quyền (EU) 2023/905 bổ sung Quy định (EU) 2019/6 liên quan đến các điều kiện để nhập khẩu các lô hàng động vật và các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật dành cho con người từ các nước thứ 3 hoặc hoặc khu vực vào EU.  Điều 4 (1)(b) của Quy định ủy quyền (EU) 2023/905 quy định rằng các lô hàng động vật hoặc sản phẩm liên quan vào Liên minh từ các nước thứ ba sẽ được kèm theo giấy chứng nhận chính thức chứng thực việc tuân thủ lệnh cấm của Liên minh đối với việc sử dụng các sản phẩm thuốc kháng sinh.  Dự thảo Quy chế thực thi này sửa đổi các mẫu giấy chứng nhận cho việc xuất khẩu sang Liên minh động vật sản xuất thực phẩm và các sản phẩm có nguồn gốc động vật dành cho con người tiêu dùng bao gồm các chứng nhận liên quan về việc tuân thủ Quy định (EU) 2019/6. |
| 12 | G/SPS/N/CAN/1523 | ATTP, BVTV | Canada | 18/7/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Rimsulfuron  (PMRL2023-37). | Tài liệu được thông báo PMRL2023-37 tham vấn về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với rimsulfuron được đề xuất bởi Cơ quan Quản lý Dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,02 | Các loại quả mọng phát triển thấp, ngoại trừ dâu tây2 (nhóm cây trồng 13-07H; ngoại trừ việt quất bụi thấp3 Quả việt quất  loại quả rừng 4) |   1ppm = phần triệu  2Vì việt quất là mặt hàng đại diện của phân nhóm cây trồng 13-07H, MRL cho cây trồng phân nhóm đang được đề xuất.  3Quả việt quất cây bụi thấp được loại trừ khỏi MRL này vì MRL 0,05 ppm đã được thiết lập đối với mặt hàng này.  4 Quả việt quất loại quả rừng được loại trừ khỏi MRL này vì MRL là 0,01 ppm đã được thiết lập cho hàng hóa này. Có thể tìm thấy các hàng hóa trong các nhóm/phân nhóm cây trồng được liệt kê trên Residue Chemistry Crop Groups webpage. |
| 13 | G/SPS/N/CAN/1522 | ATTP, BVTV | Canada | 18/7/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Saflufenacil (PMRL2023-36). | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-36 là tham khảo về giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với saflufenacil được đề xuất bởi Cơ quan Quản lý Dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,04 | Nam việt quất (nhóm cây trồng 13-07A)2 |   1ppm = phần triệu  2Vì quả mâm xôi và mâm xôi đen là hàng hóa tiêu biểu của phân nhóm cây trồng 13-07A, nên đề xuất cấp MRL cho phân nhóm cây trồng này |
| 14 | G/SPS/N/CAN/1521 | ATTP, BVTV | Canada | 18/7/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Bromoxynil (PMRL2023-35). | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-35 là tham khảo về giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với bromoxynil được đề xuất bởi Cơ quan Quản lý Dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).   |  |  |  | | --- | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | | 0,05 | Hạt gai dầu |   1ppm = phần triệu |
| 15 | G/SPS/N/ZAF/81 | BVTV | Nam Phi | 17/7/2023 | Cấm sử dụng một số biện pháp khắc phục trong nông nghiệp có chứa hoạt chất chlorpyrifos và cartap hydrochloride. | Việc cấm sử dụng các biện pháp khắc phục trong nông nghiệp có chứa hoạt chất chlorpyrifos và cartap hydrochloride của Cục Nông nghiệp, Cải cách ruộng đất và Phát triển Nông thôn về Phân bón, Thức ăn chăn nuôi, Biện pháp Nông nghiệp và Biện pháp lưu trữ hoạt chất sử dụng trong nông nghiệp (theo Đạo luật số 36 năm 1947). |
| 16 | G/SPS/N/SLV/146 | CT | El Salvador | 17/7/2023 | Tiêu chuẩn kỹ thuật (RTCA) số 67.04.79:23: Sản phẩm sữa. Yogourt thông số kỹ thuật) | Quy định kỹ thuật Trung Hoa Kỳ (RTCA) được thông báo thiết lập các thông số kỹ thuật đối với sữa chua, phù hợp với định nghĩa quy định tại Điều 4.1. |
| 17 | G/SPS/N/CRI/254 | CT | Costa Rica | 17/7/2023 | Tiêu chuẩn kỹ thuật (RTCA) số 67.04.79:23: Sản phẩm sữa. Yogourt thông số kỹ thuật) | Quy định kỹ thuật Trung Hoa Kỳ (RTCA) được thông báo thiết lập các thông số kỹ thuật đối với sữa chua, phù hợp với định nghĩa quy định tại Điều 4.1. |
| 18 | G/SPS/N/CAN/1520 | ATTP, TY | Canada | 17/7/2023 | Đề xuất sửa đổi danh mục giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với Thuốc thú y trong Thực phẩm (MRL được đề xuất 2023-1). | Thông báo này là tiếp nối của thông báo SPS (G/SPS/N/CAN/597/Add.2), trong đó Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Quy định cấp Bộ có tiêu đề "Giấy phép tiếp thị (MA) cho giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với Thuốc thú y trong thực phẩm" theo mục 30.3(1) và 30.5(1) của Đạo luật Thuốc thú y và thực phẩm. "Danh sách giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc thú y trong thực phẩm" tại địa chỉ sau: https://www.canada.ca/en/health-canada/services/drugs-health-products/veterinarydrugs/maximum-residue-limits-mrls/list-maximum-residue-limits-mrls-veterinary-drugsfoods.html (Danh sách) được đưa ra để tham khảo và được duy trì trên trang web của Bộ Y tế Canada. Mọi thay đổi được đề xuất sẽ tiếp tục là chủ đề tham vấn, thông báo công khai quốc tế và danh sách sau đó sẽ được cập nhật.  Mục đích là để thông báo về một cuộc tham vấn về những thay đổi được đề xuất.  Đề xuất bao gồm MRL cho các loại thuốc thú y mới (mà MRL trước đây chưa có được thành lập) và các loại thực phẩm mới cho các loại thuốc thú y hiện có (mà MRLs được thiết lập trước đó).  Các đánh giá an toàn nghiêm ngặt đã được tiến hành đối với các MRL này. Phần còn lại của việc tuân thủ các MRL được đề xuất hoặc đã được theo dõi và xác nhận bởi Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA), hoặc sẽ được kết hợp ở các chương trình giám sát trong tương lai. |
| 19 | G/SPS/N/BDI/63, G/SPS/N/KEN/219 G/SPS/N/RWA/56, G/SPS/N/TZA/285,  G/SPS/N/UGA/260. | CT | Các quốc gia đông Phi | 17/7/2023 | DEAS 893: 2023, Tương ớt — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu, thử nghiệm đối với tương ớt cho người tiêu dùng. |
| 20 | G/SPS/N/BDI/62,  G/SPS/N/KEN/218,  G/SPS/N/RWA/55,  G/SPS/N/TZA/284,  G/SPS/N/UGA/259 | CT | Các quốc gia đông Phi | 17/7/2023 | DEAS 66-3: 2023, Sản phẩm cà chua — Đặc điểm kỹ thuật — Phần 3: Nước ép cà chua, Ấn bản thứ ba | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với nước trái cây chưa lên men nhưng có thể lên men, dùng trực tiếp, thu được từ cà chua tươi *(Solanum lycopersicum* L). xay nhuyễn, dán hoặc cô đặc. |
| 21 | G/SPS/N/BDI/61,  G/SPS/N/KEN/217,  G/SPS/N/RWA/54,  G/SPS/N/TZA/283,  G/SPS/N/UGA/258 | CT | Các quốc gia đông Phi | 17/7/2023 | DEAS 66-2: 2023, Sản phẩm cà chua — Đặc điểm kỹ thuật — Phần 2: Sốt cà chua và nước sốt cà chua, Ấn bản đầu tiên | Dự thảo tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với nước sốt cà chua và sốt cà chua cho người tiêu dùng. |
| 22 | G/SPS/N/BDI/60,  G/SPS/N/KEN/216,  G/SPS/N/RWA/53,  G/SPS/N/TZA/282,  G/SPS/N/UGA/257 | CT | Các quốc gia đông Phi | 17/7/2023 | DEAS 66-1: 2023, Sản phẩm cà chua — Đặc điểm kỹ thuật — Phần 1: Cà chua đóng hộp, Ấn bản thứ ba | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với cà chua đóng hộp *Solanum lycopersicum* L. cho người tiêu dùng. |
| 23 | G/SPS/N/BDI/59,  G/SPS/N/KEN/215,  G/SPS/N/RWA/52,  G/SPS/N/TZA/281,  G/SPS/N/UGA/256 | CT, TY | Các quốc gia đông Phi | 17/7/2023 | DEAS 1149: 2023, Mật ong công nghiệp — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên. | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với mật ong do ong mật thuộc chi Apis sản xuất được sử dụng làm nguyên liệu thô cho mục đích công nghiệp nhưng không dùng trực tiếp cho con người. |
| 24 | G/SPS/N/BDI/58,  G/SPS/N/KEN/214,  G/SPS/N/RWA/51,  G/SPS/N/TZA/280,  G/SPS/N/UGA/255 | CT, TY | Các quốc gia đông Phi | 17/7/2023 | DEAS 1147: 2023, Mật ong có hương vị — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với mật ong có hương liệu dành cho người tiêu dùng. |
| 25 | G/SPS/N/BDI/57,  G/SPS/N/KEN/213,  G/SPS/N/RWA/50,  G/SPS/N/TZA/279,  G/SPS/N/UGA/254 | CT | Các quốc gia đông Phi | 17/7/2023 | DEAS 1161:2023, Dự thảo tiêu chuẩn Đông Phi cho đậu nấu chín đóng gói sẵn | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với đậu nấu chín đóng gói sẵn thu được từ các giống khác nhau của *Phaseolus* spp., dành cho người tiêu dùng. |
| 26 | G/SPS/N/BDI/56,  G/SPS/N/KEN/212,  G/SPS/N/RWA/49,  G/SPS/N/TZA/278,  G/SPS/N/UGA/253 | CT | Các quốc gia đông Phi | 17/7/2023 | DEAS 44: 2023, Dự thảo tiêu chuẩn Đông Phi cho ngô xay (Sản phẩm ngô ) | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm cho ngô và ngô nghiền ( *Zea mays* L. ) dành cho người tiêu dùng.  Tiêu chuẩn này không áp dụng cho ngô và ngô nghiền để sản xuất rượu bia, sản xuất tinh bột và bất kỳ sử dụng công nghiệp khác. |
| 27 | G/SPS/N/USA/3401 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 14/7/2023 | Benzpyrimoxan; Dung sai thuốc trừ sâu. Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập dung sai cho dư lượng benzpyrimoxan trong hoặc trên gạo, trấu; gạo, gạo đánh bóng và cám. |
| 28 | G/SPS/N/USA/3400 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 14/7/2023 | Tiếp nhận một số đơn kiến nghị về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất và thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo nộp đơn kiến nghị và yêu cầu nhận xét. | Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ nhận được một số tài liệu ban đầu về hồ sơ kiến ​​nghị thuốc bảo vệ thực vật, yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định cho dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. |
| 29 | G/SPS/N/CRI/253 | BVTV | Costa Rica | 14/7/2023 | Dự thảo Nghị quyết sửa đổi các biện pháp giảm thiểu rủi ro đối với kiểm dịch ruồi đục quả trong các lô hàng trái cây tươi để tiêu thụ của các loài ký chủ được báo cáo, có nguồn gốc từ bất kỳ quốc gia nào có ruồi giấm kiểm dịch như vậy. | Các biện pháp giảm thiểu được thiết lập và sửa đổi nguy cơ kiểm dịch ruồi đục quả trong các lô hàng trái cây tươi dùng làm thực phẩm các loài vật chủ có nguồn gốc từ bất kỳ quốc gia nào. |
| 30 | G/SPS/N/EU/655 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 13/7/2023 | Dự thảo thực thi quy định thực thu liên quan đến sự cho phép của axit guanidinoacetic và một chế phẩm axit guanidinoacetic làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho gà nuôi để sinh sản và gà nuôi để đẻ trứng trong thức ăn và trong nước uống, và nước uống cho gà vỗ béo trong và sửa đổi và sửa đổi Quy định thực thi ( EU ) 2016/1768 ( Văn bản có liên quan đến EEA ) | Dự thảo cho phép axit guanidinoacetic, ở dạng chất và chế phẩm, làm phụ gia thức ăn cho gà nuôi để sinh sản và gà được nuôi để đẻ trứng (để sử dụng trong thức ăn và trong nước để uống) và cho gà để vỗ béo (để sử dụng trong nước để uống). Dự thảo cũng sửa đổi sự gia hạn cho phép hiện có của phụ gia đó ( để sử dụng trong thức ăn cho gà cho vỗ béo, lợn để vỗ béo và lợn con cai sữa ) để phân bổ lại cho loại 'phụ gia kỹ thuật chăn nuôi' thay vì 'phụ gia dinh dưỡng', trên cơ sở ý kiến của EFSA ngày 28 tháng 9 năm 2022 và ngày 27 tháng 01 năm 2016. Dự thảo luật cũng quy định thành phần của phụ gia ở dạng chế phẩm.  Nó được đề xuất để cung cấp một giai đoạn chuyển tiếp để cho phép thích nghi với sửa đổi sự cho phép hiện có, đặc biệt là phân bổ lại phụ gia vào danh mục 'phụ gia kỹ thuật chăn nuôi'. Thời hạn chuyển tiếp đó sẽ kết thúc vào ngày hết hạn của ủy quyền hiện có (25 tháng 10 năm 2026 ). |
| 31 | G/SPS/N/BRA/2186 | BVTV | Bra-xin | 13/7/2023 | Nhận biết tình trạng kiểm dịch thực vật đối với bệnh ghẻ (Citrus canker) do vi khuẩn (*Xanthomonas citri subsp. citri*) ở các vùng khác nhau trong các khu vực của Bang Goiás | Công nhận Bang Goiás là một khu vực không có sự xuất hiện của bệnh ghẻ (Citrus canker) do vi khuẩn (*Xanthomonas citri subsp. citri*), ngoại trừ các đô thị của Cachoeira Dourada, Inaciolândia, Itajá, Itarumã, Jataí, Lagoa Santa và Rio Verde. |
| 32 | G/SPS/N/AUS/570 | BVTV | Úc | 13/7/2023 | Dự thảo báo cáo về yêu cầu nhập khẩu và an toàn sinh học đối với quả chanh leo từ Việt Nam | Úc dự thảo báo cáo phân tích rủi ro đối với chanh dây tươi (*Passiflora edulis*) nhập khẩu từ Việt Nam dùng làm thực phẩm cho người;  Dự thảo báo cáo này bao gồm chi tiết các loại dịch hại có thể gây rủi ro an toàn sinh học đối với Úc từ việc nhập khẩu chanh dây của Việt Nam. Các đánh giá rủi ro đối với các loại dịch hại đã xác định và các biện pháp quản lý được đề xuất nhằm làm giảm rủi ro về an toàn sinh học xuống mức có thể chấp nhận được; |
| 33 | G/SPS/N/RUS/267 | ATTP, TY | Liên bangNga | 11/7/2023 | Dự thảo quyết định của Hội đồng kinh tế Á-Âu.Ủy ban sửa đổi các quy tắc điều chỉnh lưu hành thuốc thú y trong Lãnh thổ Hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu. | Dự thảo quy định về sửa đổi kỹ thuật được phát triển để đơn giản hóa hồ sơ đăng ký sản phẩm thuốc thú y phù hợp với yêu cầu quy định đối với một số nhóm sản phẩm thuốc thú y. |
| 34 | G/SPS/N/AUS/569 | TY | Úc | 11/7/2023 | An toàn sinh học, phân tích rủi ro nhập khẩu cá tầm sống phục vụ nuôi trồng thủy sản (cá tầm BIRA) | Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Úc đã công bố dự thảo báo cáo phân tích rủi ro nhập khẩu, an toàn sinh học đối với cá tầm nhằm phục vụ nuôi trồng thủy sản (cá tầm BIRA) để bàn luận.  Cá tầm BIRA đánh giá các rủi ro an toàn sinh học liên quan đến việc nhập khẩu trực tiếp cá tầm (Loài *Acipenser* và *Huso*) từ tất cả các quốc gia để nuôi trồng thủy sản.  Dự thảo BIRA đề xuất rằng các loài Acipenser và Huso được phép nhập khẩu vào Úc, miễn là tuân thủ an toàn sinh học thích hợp. Những biện pháp này bao từ nguồn cung phi dịch bệnh, kiểm dịch trước khi xuất khẩu và sau khi đến, loại bỏ ký sinh trùng, khử trùng trứng và xét nghiệm cho các tác nhân gây bệnh.  Các đối tác thương mại được mời để cung cấp ý kiến về dự thảo báo cáo BIRA cho đến ngày 11 tháng 9 năm 2023 (thời gian nhận xét 60 ngày ). |
| 35 | G/SPS/N/CHL/760 | TY | Chile | 10/7/2023 | Thiết lập các điều kiện vệ sinh để vận chuyển thức ăn chăn nuôi bằng đường bộ | Các điều kiện vận chuyển thức ăn chăn nuôi bằng đường bộ được thiết lập nhằm đảm bảo tính an toàn và lành mạnh của thực phẩm, thể hiện các điều kiện vệ sinh cụ thể theo tính chất, chủng loại và cách trình bày của sản phẩm, ngăn chặn sự lây truyền, pha trộn, hết hạn hoặc nhiễm bẩn của những sản phẩm này. |
| 36 | G/SPS/N/CAN/1244 /Add.18 | TY | Canada | 10/7/2023 | Lệnh áp đặt các điều kiện liên quan đến các vùng kiểm soát thứ cấp đối với dịch tả lợn châu Phi | Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA) đã thực thi các yêu cầu nhập khẩu mới đối với một số nguyên liệu thức ăn chăn nuôi được nhập khẩu từ các quốc gia được xác định là có mối lo ngại tiềm tàng về dịch tả lợn châu Phi (ASF). Các sản phẩm được xác định sẽ yêu cầu giấy phép nhập khẩu trước khi nhập khẩu từ các quốc gia được chỉ định và các điều kiện trong đơn đặt hàng thực thi và giấy phép nhập khẩu cần phải được đáp ứng. Những điều kiện này có thể bao gồm chứng nhận xuất xứ, xử lý nhiệt và/hoặc thời gian lưu giữ (tùy thuộc vào sản phẩm được đề cập) được thiết kế để giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm vi rút dịch tả lợn châu Phi từ những sản phẩm này.  Canada đã sửa đổi danh sách các khu vực hoặc quốc gia có khả năng bị ảnh hưởng bởi biện pháp này để thêm Croatia và Bosnia và Herzegovina.  Danh sách cập nhật được ghi chú dưới đây:  Các khu vực hoặc quốc gia cụ thể: Benin; Bosnia và Herzegovina; Bulgari\*; Burkina Faso; Các quốc gia đông Phi; Cabo Verde; Campuchia; Camerun; Cộng hòa trung phi; Tchad; Trung Quốc; Công-gô; Côte d'Ivoire; Crô-a-ti-a; Cộng hòa Séc\*; Cộng hòa Dominica; Estonia\*; Gambia; Đức\*; Ga-na; Hy Lạp\*; Guiné-Bissau; Ha-i-ti; Hồng Kông, Trung Quốc; Hungary\*; Ấn Độ; Indonesia; Ý\*; Kê-ni-a; Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào; Lát-vi-a\*; Litva\*; Madagasca; Ma-lai-xi-a; Malaysia; Cộng hòa Moldova; Mông Cổ; Mô-dăm-bích; Mi-an-ma; Namibia; Nê-pan; Ni-giê-ri-a; Papua Niu Ghi-nê; Phi-líp-pin; Ba Lan\*; Hàn Quốc; Cộng hòa Bắc Macedonia; Ru-ma-ni\*; Liên bang Nga; Ru-an-đa; Sénégal; Xéc-bi-a; Sierra Leone; Singapore; Slovakia\*; Nam Phi; Tan-da-ni-a; Thái Lan; Togo; Ucraina; Việt Nam; Zambia; Zimbabuê  Phụ lục này liên quan đến: Sửa đổi danh sách các khu vực hoặc quốc gia có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự luật này. |
| 37 | G/SPS/N/UKR/204 | CT | Ucraina | 07/7/2023 | Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với nước ép trái cây và một số sản phẩm tương tự" | Dự thảo Lệnh quy định phê duyệt các yêu cầu về thuật ngữ, đặc tính chất lượng, đánh dấu, ghi nhãn đối với nước ép trái cây và một số sản phẩm thực phẩm tương tự nhằm đảm bảo thị trường vận hành trơn tru cũng như tạo điều kiện thông tin cho người tiêu dùng về đặc tính của các sản phẩm này, đặc biệt là thông qua nhãn mác.  Dự thảo Lệnh cũng quy định rằng nước ép trái cây và một số sản phẩm thực phẩm tương tự đáp ứng các yêu cầu có hiệu lực trước khi Lệnh này có hiệu lực nhưng không đáp ứng các quy định của Yêu cầu đối với nước ép trái cây và một số sản phẩm thực phẩm tương tự được phê duyệt bởi Lệnh này, có thể được lưu hành trong ba năm kể từ ngày Lệnh này có hiệu lực. Những sản phẩm thực phẩm như vậy có thể được lưu hành cho đến ngày tiêu thụ cuối cùng hoặc hết thời hạn sử dụng tối thiểu.  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 38 | G/SPS/N/NZL/727 | ATTP, CLCB | Niu Di-lân | 07/7/2023 | Đánh giá (Báo cáo và (các) tài liệu bổ sung) cho đề nghị A1243 Hài hòa hóa các tiêu chuẩn độc tố sinh học biển đối với động vật có vỏ hai mảnh vỏ | Để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và để bảo vệ sức khỏe và an toàn cộng đồng, FSANZ đã dự thảo sửa đổi Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm của Úc và Niu Di-lân để sửa đổi các mức tối đa (ML) đối với độc tố động vật có vỏ gây tiêu chảy (DST) và độc tố gây tê liệt động vật có vỏ (PST) với các ML tương đương do Ủy ban Codex Alimentarius (Codex) đặt ra và với các ML được đặt ở Niu Di-lân.  Mức tối đa đối với độc tố sinh học biển là cần thiết để bảo vệ sức khỏe và an toàn cộng đồng, vì độc tố sinh học biển gây độc tính nghiêm trọng và đôi khi lâu dài ở người.  Những thay đổi được đề xuất là:  − Hạ thấp mức tối đa đối với DST, được biểu thị bằng đương lượng axit okadaic, từ 0,20 đến 0,16 mg/kg ở nhuyễn thể hai mảnh vỏ;  − Xác định PST theo đương lượng mg saxitoxin dihydrochloride/kg chứ không phải đương lượng mg saxitoxin/kg. Tác động ròng của thay đổi này đối với đơn vị báo cáo cụ thể hơn là giảm mức tối đa cho PST từ 0,8 xuống khoảng 0,6 mg/kg.  Tất cả các đơn xin thay đổi Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm của Úc, Niu Di-lân, phải được đánh giá trong bối cảnh các mục tiêu sau: (a) bảo vệ sức khỏe và an toàn công cộng; (b) việc cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến thực phẩm để giúp người tiêu dùng đưa ra lựa chọn sáng suốt; và (c) ngăn chặn hành vi gây hiểu lầm hoặc lừa đảo. FSANZ cũng phải quan tâm đến việc thúc đẩy tính nhất quán giữa các tiêu chuẩn thực phẩm trong nước và quốc tế. |
| 39 | G/SPS/N/NZL/725 | BVTV | Niu Di-lân | 07/7/2023 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: ngũ cốc và hạt dùng để tiêu dùng, thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến. | Thông báo này liên quan đến sửa đổi nhỏ đối với tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: ngũ cốc và hạt để tiêu dùng, thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến. Việc sửa đổi bao gồm làm rõ tỉ lệ lấy mẫu hạt để cho phép kiểm tra hạt gây ô nhiễm. Do đó, các yêu cầu về chứng chỉ lấy mẫu hạt giống trong Phần 1.5.3 của tiêu chuẩn đã được sửa đổi.  Việc làm rõ này cung cấp sự rõ ràng cho việc nhập khẩu, giảm thiểu sự chậm trễ trong hướng và/hoặc giải phóng ngũ cốc.  Việc sửa đổi này không thay đổi các yêu cầu nhập khẩu và được coi là thay đổi hành chính |
| 40 | G/SPS/N/EU/654 | ATTP, TY, BVTV | Liên minh châu Âu | 07/7/2023 | Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi các Phụ lục II, III và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về mức dư lượng tối đa đối với desmedipham, etridiazole, flurtamone, profoxydim, difenacoum và thuốc tím trong hoặc trên một số sản phẩm | Dự thảo Quy định được đề xuất liên quan đến việc xem xét các MRL hiện có đối với desmedipham, etridiazole, flurtamone, profoxydim, difenacoum và thuốc tím trong một số mặt hàng thực phẩm sau khi các chất này không được Liên minh châu Âu phê duyệt. MRL thấp hơn đối với etridiazole được thiết lập sau khi xóa các mục đích sử dụng cũ không còn được phép sử dụng ở Liên minh châu Âu và các giá trị giới hạn xác định cụ thể đối với từng sản phẩm và được cập nhật theo tiến bộ kỹ thuật. |
| 41 | G/SPS/N/EU/653 | ATTP, TY, BVTV | Liên minh châu Âu | 07/7/2023 | Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về mức dư lượng tối đa đối với indoxacarb trong hoặc trên một số sản phẩm | Dự thảo Quy định được đề xuất liên quan đến việc xem xét các MRL hiện có đối với indoxacarb trong một số mặt hàng thực phẩm sau khi indoxacarb không được phê duyệt ở Liên minh Châu Âu. MRL thấp hơn được đặt sau khi xóa các mục đích sử dụng cũ không còn được phép sử dụng ở Liên minh Châu Âu. MRL trong một số mặt hàng cụ thể là mối lo ngại về sức khỏe con người có thể loại bỏ hoặc hạ thấp. |
| 42 | G/SPS/N/AUS/568 | ATTP, CLCB | Úc | 07/7/2023 | Đánh giá (Báo cáo và (các) tài liệu bổ sung) cho đề nghị A1243 Hài hòa hóa các tiêu chuẩn độc tố sinh học biển đối với động vật có vỏ hai mảnh vỏ. | Để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và để bảo vệ sức khỏe và an toàn cộng đồng, FSANZ dự thảo sửa đổi Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm của Úc và Niu Di-lân để sửa đổi các mức tối đa (ML) đối với Độc tố gây tiêu chảy (Diarrhetic Shellfish Poisoning) và Độc tố gây liệt cơ (Paralytic Shellfish poisoning) với các ML tương đương do Ủy ban Codex Alimentarius (Codex) đặt ra và với các ML và được thiết lập ở Niu Di-lân.  ML đối với độc tố sinh học biển là cần thiết để bảo vệ sức khỏe và an toàn cộng đồng, vì độc tố sinh học biển gây độc tính nghiêm trọng và đôi khi lâu dài ở người.  Những thay đổi được đề xuất là:  − Hạ thấp ML đối với DST, được biểu thị bằng đương lượng axit okadaic, từ 0,20 đến 0,16 mg/kg ở nhuyễn thể hai mảnh vỏ;  − Xác định PST theo đương lượng mg saxitoxin dihydrochloride/kg chứ không phải đương lượng mg saxitoxin/kg. Tác động ròng của thay đổi này đối với đơn vị báo cáo cụ thể hơn là giảm ML cho PST từ 0,8 xuống khoảng 0,6 mg/kg.  Tất cả các đơn kiến nghị thay đổi Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm của Úc, Niu Di-lân, phải được đánh giá theo các mục tiêu sau:  a. Bảo vệ sức khỏe và an toàn công cộng;  b. Việc cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến thực phẩm để giúp người tiêu dùng đưa ra lựa chọn sáng suốt; Và  c. Việc ngăn chặn hành vi sai lệch hoặc lừa đảo. FSANZ cũng phải quan tâm đến việc thúc đẩy tính nhất quán giữa các tiêu chuẩn thực phẩm trong nước và quốc tế. |
| 43 | G/SPS/N/NPL/42 | BVTV | Nepal | 06/7/2023 | Quy tắc bảo vệ thực vật (Sửa đổi lần thứ nhất), 2080. | Chính phủ Nepal đã sửa đổi Quy tắc Bảo vệ thực vật 2009. |
| 44 | G/SPS/N/EU/652 | ATTP, TY, BVTV | Liên minh châu Âu | 06/7/2023 | Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về mức dư lượng tối đa đối với haloxyfop trong hoặc trên một số sản phẩm | Dự thảo đề xuất liên quan đến việc cập nhật các MRL hiện có đối với haloxyfop trong một số mặt hàng thực phẩm. Những thay đổi được đề xuất dựa trên ý kiến hợp lý của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA). MRL thấp hơn được thiết lập sau khi xóa các mục đích sử dụng cũ không còn được phép sử dụng ở Liên minh Châu Âu hoặc mối lo ngại về sức khỏe con người có thể không loại trừ. |
| 45 | G/SPS/N/EU/651 | ATTP, TY, BVTV | Liên minh châu Âu | 06/7/2023 | Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về mức dư lượng tối đa đối với thiacloprid trong hoặc trên một số sản phẩm | Dự thảo Quy định được đề xuất liên quan đến việc cập nhật các MRL hiện có cho thiacloprid trong một số mặt hàng thực phẩm. Những thay đổi được đề xuất dựa trên ý kiến hợp lý của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA). MRL thấp hơn được thiết lập sau khi xóa các mục đích sử dụng cũ không còn được phép sử dụng ở Liên minh châu Âu hoặc mối quan tâm về sức khỏe con người có thể không loại trừ. |
| 46 | G/SPS/N/BRA/2185 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 06/7/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1173, ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất B66 - Bicyclopiron vào danh sách chuyên khảo các hoạt chất dùng cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được đăng bởi Chỉ thị quy phạm 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin |
| 47 | G/SPS/N/BRA/2184 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 06/7/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1172, ngày 29 tháng 6 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất P73: Paenibacillus azotofixans vào danh sách chuyên khảo về các hoạt chất dùng cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Chỉ dẫn tiêu chuẩn 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin |
| 48 | G/SPS/N/USA/3399 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 03/7/2023 | Tiếp nhận một số đơn kiến nghị nộp về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo nộp đơn kiến nghị và yêu cầu góp ý. | Tài liệu này thông báo về việc Cơ quan đã nhận được một số hồ sơ ban đầu về kiến nghị thuốc trừ sâu yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau |
| 49 | G/SPS/N/EU/650 | CN, TY | Liên minh châu Âu | 03/7/2023 | Dự thảo sửa đổi và bổ sung Quy định thực thi (EU) 2022/1421 liên quan đến việc cấp phép tinh dầu cam đã chiết xuất, tinh dầu cam chưng cất và tinh dầu cam gấp từ *Citrus sinensis* (L.) Osbeck làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật, Quy định thực thi (EU) 2022/652 liên quan đến việc cấp phép chiết xuất cam đắng làm phụ gia thức ăn cho một số loài động vật, Quy định thực thi (EU) 2022/1490 liên quan đến việc cấp phép tinh dầu chanh, phần còn lại của tinh dầu chanh chưng cất, tinh dầu chanh chưng cất (phần dễ bay hơi) và tinh dầu chanh chưng cất làm phụ gia thức ăn cho một số loài động vật, và Quy định thực thi (EU) 2022/320 liên quan đến việc cấp phép sử dụng tinh dầu quýt làm phụ gia thức ăn cho gia cầm, lợn, động vật nhai lại, ngựa, thỏ và cá hồi | Việc sử dụng các chất sau đây làm phụ gia thức ăn chăn nuôi đã được cho phép trong mười năm: tinh dầu cam chiết xuất, tinh dầu cam chưng cất và tinh dầu cam gấp từ *Citrus sinensis* (L.) Osbeck theo Quy định Thực thi của Ủy ban (EU) 2022/1421; chiết xuất cam đắng theo Quy định thực thi (EU) 2022/652; tinh dầu chanh biểu thị, phần còn lại của tinh dầu chanh biểu thị được chưng cất, tinh dầu chanh chưng cất (phần dễ bay hơi) và tinh dầu chanh chưng cất theo Quy định thực thi (EU) 2022/1490; và thể hiện tinh dầu quýt theo Quy định thực thi (EU) 2022/320. Tuy nhiên, một số khía cạnh của các giấy phép này cần được sửa chữa để phản ánh chính xác kết luận của các ý kiến khoa học được Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA) thông qua đối với từng chất phụ gia, chủ yếu là:  - Đối với tinh dầu cam đã chưng cất, tinh dầu cam đã chưng cất, dầu cam đã chưng cất, chiết xuất cam đắng, tinh dầu chanh đã chưng cất, phần còn lại của tinh dầu chanh đã chưng cất, tinh dầu chanh đã chưng cất và tinh dầu quýt đã chưng cất: bổ sung vào mỗi bảng phụ lục tương ứng các hành vi nêu trên một mục mới cho phép sử dụng đối với tất cả các loài động vật ngoài những loài đã nêu trong bảng, trừ chó, mèo, cá cảnh và chim cảnh;  - Đối với tinh dầu chanh chưng cất (phần dễ bay hơi): bổ sung vào bảng phụ lục của một mục mới để cho phép sử dụng cho tất cả các loài động vật ngoài những loài đã được đề cập trong bảng. |
| 50 | G/SPS/N/CAN/1519 | ATTP, CT | Canada | 03/7/2023 | [Thông báo về việc sửa đổi Danh sách các Enzyme thực phẩm được phép sử dụng để cho phép sử dụng beta-Glucanase, Cellulase và Xylanase từ Rasamsonia emersonii trong nhiều loại thực phẩm](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8265) | Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá mức độ an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với phụ gia thực phẩm để được sự chấp thuận cho việc sử dụng beta-(β)- glucanase, cellulase và xylanase từ *Rasamsonia emersonii* trong các loại thực phẩm khác nhau.  Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường chứng minh tính an toàn của β-glucanase, cellulase và xylanase từ *R. emersonii* cho các mục đích sử dụng được yêu cầu. Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng β-glucanase, cellulase và xylanase từ nguồn này như được mô tả trong tài liệu bằng cách sửa đổi danh sách các Enzyme thực phẩm được phép, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 6 năm 2023.  Mục đích của tài liệu thông tin là thông báo công khai quyết định của Bộ về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ thích hợp cho những người muốn gửi yêu cầu hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến sự an toàn của các chất phụ gia thực phẩm này. |
| 51 | G/SPS/N/CAN/1518 | ATTP, BVTV | Canada | 03/7/2023 | [Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Fludioxonil (PMRL2023-34)](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8266) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-34 là tham khảo về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với fludioxonil đã được đề xuất bởi Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA):   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 4,0 | Củ cải đường2 |   1 ppm = phần triệu  2 MRL này được đề xuất để thay thế MRL hiện được thiết lập là 0,02 ppm. |
| 52 | G/SPS/N/CAN/1517 | ATTP, BVTV | Canada | 03/7/2023 | [Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Ethalfluralin (PMRL2023-29)](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8267) | Thông báo PMRL2023-34 là tham vấn về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với fludioxonil đã được đề xuất bởi Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA):   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,05 | Đậu khô (*Phaseolus* spp.)2 bao gồm: đậu đen khô, đậu Cranberry khô, đậu khô, Đậu răng ngựa khô, Đậu cô ve khô, đậu xanh khô, đậu trắng khô, đậu lima khô, đậu hồng khô đậu, đậu pinto khô, đậu đỏ khô, đậu đỏ Scarlet khô, đậu tepary khô và đậu vàng khô |   1 ppm = phần triệu  2 Đậu thận khô và đậu navy khô không được áp dụng trong dự thảo này vì MRL là 0,05 ppm đã được thiết lập cho những mặt hàng này. |
| 53 | G/SPS/N/CAN/1516 | ATTP, BVTV | Canada | 03/7/2023 | [Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Ethalfluralin (PMRL2023-28).](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8268) | Tài liệu được thông báo PMRL2023-34 là tham vấn về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với fludioxonil đã được đề xuất bởi Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA):   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,05 | Cây cúc vu (Jerusalem artichokes) |   1 ppm = phần triệu |
| 54 | G/SPS/N/USA/3398 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 30/6/2023 | Tiếp nhận một số đơn kiến nghị về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo nộp đơn kiến nghị và yêu cầu cho ý kiến. | Tài liệu này thông báo rằng Cơ quan đã nhận được một số hồ sơ ban đầu về đơn kiến nghị thuốc trừ sâu yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. |
| 55 | G/SPS/N/USA/3397 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 30/6/2023 | Phèn nhôm (O-ethylphosphonat). Dung sai thuốc trừ sâu. Quy tắc cuối cùng. | Dung sai được thiết lập đối với dư lượng của thuốc diệt nấm aluminum tris (*O-ethylphosphonate*), bao gồm các chất chuyển hóa và phân hủy của nó trong các sản phẩm rau củ và quả. |
| 56 | G/SPS/N/USA/3395 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 30/6/2023 | Sulfoxaflor; Dung sai thuốc trừ sâu. Quy tắc cuối cùng. | Quy định này thiết lập mức cho phép đối với dư lượng sulfoxaflor mức 0.3 trong hoặc trên cà phê hạt (green bean) |
| 57 | G/SPS/N/USA/3394 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 30/6/2023 | Glufosinat; Dung sai thuốc trừ sâu. Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập mức dung sai đối với dư lượng glufosinate trong hoặc trên quả nhiệt đới và cận nhiệt đới, quả có kích thước trung bình đến lớn, vỏ ăn được, phân nhóm 23B; nhiệt đới và cận nhiệt đới, quả có kích thước trung bình đến lớn, nhẵn, vỏ không ăn được, phân nhóm 24B; và quả nhiệt đới và cận nhiệt đới, quả nhỏ, không ăn được vỏ, phân nhóm 24A. Quy định cũng thiết lập các dung sai trong hoặc trên cỏ, cỏ thức ăn cho xúc vật, cỏ khô. |
| 58 | G/SPS/N/USA/3393 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 30/6/2023 | Trifloxystrobin; Dung sai thuốc trừ sâu. Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập mức cho phép đối với dư lượng trifloxystrobin trong hoặc trên nhiều loại cây trồng |
| 59 | G/SPS/N/USA/3382 /Add.1 | ATTP, CT | Hoa Kỳ | 30/6/2023 | Kiến nghị phụ gia màu từ Quỹ bảo vệ môi trường, et al.; Yêu cầu Thu hồi Danh sách Phụ gia Màu để Sử dụng Titanium Dioxide trong Thực phẩm; Gia hạn thời gian nhận xét | Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) gia hạn thời gian góp ý đối với yêu cầu phụ gia tạo màu đã công bố thông báo về việc nộp đơn đăng ký trong Đăng ký Liên bang vào ngày 3 tháng 5 năm 2023. Trong thông báo, FDA đã yêu cầu góp ý về đơn kiện phụ gia màu đã nộp đệ trình bởi Quỹ Bảo vệ Môi trường, và cộng sự, đề xuất rằng FDA bãi bỏ quy định phụ gia tạo màu cung cấp cho việc sử dụng titan dioxit trong thực phẩm.  https://www.govinfo.gov/content/pkg/FR-2023-06-28/pdf/2023-13773.pdf  https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/USA/23\_10663\_00\_e.pdf  Phụ lục này liên quan: Sửa đổi thời hạn ngày cuối cùng góp ý |
| 60 | G/SPS/N/CAN/1515 | ATTP, BVTV | Canada | 30/6/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Flumioxazin (PMRL2023-27). | Tài liệu được thông báo PMRL2023-27 là để tham vấn về các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với flumioxazin đã được đề xuất bởi Cơ quan Quản lý Dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,02 | Các loại họ đâu Hà Lan, đậu tuyết, đậu triều có vỏ, đã bóc vỏ ăn được.v.v…, |   1ppm = phần triệu |
| 61 | G/SPS/N/CAN/1514 | ATTP, BVTV | Canada | 30/6/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Fenhexamid (PMRL2023-26) | Tài liệu được thông báo PMRL2023-26 là để tham vấn các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với fenhexamid đã được đề xuất bởi Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 30 | Hành lá (nhóm cây trồng 3-07B) | | 2,0 | Hành củ (phân nhóm cây trồng 3-07A) |   1 ppm = phần triệu |
| 62 | G/SPS/N/EU/649 | ATTP, BVTV, TY | Liên minh châu Âu | 29/6/2023 | Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về mức dư lượng tối đa đối với diethofencarb, fenoxycarb, flutriafol và pencycuron trong hoặc trên một số sản phẩm | Dự thảo Quy định được đề xuất liên quan đến việc cập nhật các MRL hiện có đối với diethofencarb, fenoxycarb, flutriafol và pencycuron trong một số sản phẩm thực phẩm. MRL đối với các chất này trong một số mặt hàng nhất định được thay đổi. MRL thấp hơn được đặt theo MRL của Codex hoặc ở giới hạn xác định, sau khi xóa các mục đích sử dụng cũ không còn được phép sử dụng ở Liên minh Châu Âu hoặc mối quan tâm về sức khỏe con người có thể không loại trừ. |
| 63 | G/SPS/N/BRA/2183 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 29/6/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1171, ngày 22 tháng 6 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất sửa đổi chuyên khảo về hoạt chất P66 - Pseudomonas chlororaphis trong danh sách chuyên khảo về các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn tiêu chuẩn 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Bra-xin. công báo |
| 64 | G/SPS/N/BRA/2182 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 29/6/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1170, ngày 22 tháng 6 năm 2023. | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất M54 - Mandestrobin vào danh sách chuyên khảo các hoạt chất dùng cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được đăng bởi Chỉ dẫn tiêu chuẩn 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin |
| 65 | G/SPS/N/EU/648 | ATTP, TY | Liên minh châu Âu | 28/6/2023 | Dự thảo sửa đổi Quy định thực thi (EU) số 37/2010 liên quan đến việc phân loại chất rafoxanide theo giới hạn dư lượng tối đa của nó trong thực phẩm có nguồn gốc động vật | Thiết lập MRL cho rafoxanide ở bò và cừu, liên quan đến sữa và ngoại suy MRL cho rafoxanide cho tất cả động vật nhai lại ngoại trừ cừu. |
| 66 | G/SPS/N/EU/647 | ATTP, TY | Liên minh châu Âu | 28/6/2023 | Dự thảo sửa đổi Quy định thực thi (EU) số 37/2010 liên quan đến việc phân loại chất ketoprofen theo giới hạn dư lượng tối đa của nó trong thực phẩm có nguồn gốc động vật | Để thiết lập MRL cho ketoprofen trong mô của gà và ngoại suy nó cho các loài gia cầm khác, nhưng không phải cho trứng gia cầm. |
| 67 | G/SPS/N/EU/646 | ATTP, BVTV, TY | Liên minh châu Âu | 28/6/2023 | Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về mức dư lượng tối đa đối với oxamyl trong hoặc trên một số sản phẩm | Dự thảo Quy định được đề xuất liên quan đến việc xem xét các MRL hiện có đối với oxamyl trong một số mặt hàng thực phẩm sau khi oxamyl không được phê duyệt ở Liên minh Châu Âu. MRL thấp hơn được đặt sau khi xóa các mục đích sử dụng cũ không còn được phép sử dụng ở Liên minh Châu Âu. MRL trong một số mặt hàng gây lo ngại về sức khỏe con người có thể không loại trừ được hạ xuống. |
| 68 | G/SPS/N/RUS/266 | BVTV | Liên bang Nga | 27/6/2023 | Nghị quyết số 817 ngày 27 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ Liên bang Nga; Nghị định của Bộ Nông nghiệp Liên bang Nga số 527 ngày 24 tháng 5 năm 2023. | Các nghị quyết đề ra:  - Quy tắc kiểm tra các phòng thí nghiệm của nước ngoài để thử nghiệm hạt giống cây trồng nông nghiệp để xác nhận năng lực của các phòng thí nghiệm, phương pháp và kết quả nghiên cứu và tần suất thực thi;  - Thủ tục đưa ra các hạn chế tạm thời đối với việc nhập khẩu hạt giống cây nông nghiệp vào Liên bang Nga và (hoặc) thiết lập các yêu cầu bổ sung (đặc biệt) đối với các chỉ tiêu về giống và tính chất gieo hạt (trồng) của hạt giống cây nông nghiệp nhập khẩu vào Liên bang Nga Liên bang Nga. |
| 69 | G/SPS/N/BRA/2181 | BVTV | Bra-xin | 27/6/2023 | Dự thảo - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt của cải ngọt (*Beta vulgaris*) từ bất kỳ nguồn gốc nào | Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt của cải ngọt (*Beta Vulgaris*).  Pháp lệnh này không áp dụng cho *Beta Vulgaris* subsp. raw var. conditiva (củ cải ngọt) từ các nước Cộng đồng Thị trường Nam Hoa Kỳ (MERCOSUR) |
| 70 | G/SPS/N/BRA/2180 | BVTV | Bra-xin | 27/6/2023 | Dự thảo - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt đậu bắp (*Abelmoschus esculentus*) ở bất kỳ nguồn gốc nào | Các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống (Loại 4) của đậu bắp (*Abelmoschus esculentus*) của bất kỳ nguồn gốc nào |
| 71 | G/SPS/N/AUS/567 | TY | Úc | 26/6/2023 | Rủi ro bệnh viêm da nổi cục từ thịt, cơ và xương bò tươi (ướp lạnh hoặc đông lạnh) từ các quốc gia– Dự thảo báo cáo | Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp của Chính phủ Úc đã công bố dự thảo đánh giá về Nguy cơ mắc bệnh viêm da nổi cục từ thịt cơ xương bò tươi (ướp lạnh hoặc đông lạnh) từ các quốc gia.  Dự thảo đánh giá tập trung vào nguy cơ an toàn sinh học của việc truyền vi-rút gây bệnh viêm da nổi cục (LSD) qua thịt cơ xương tươi (ướp lạnh và đông lạnh) có nguồn gốc từ bò.  Những phát hiện của dự thảo đánh giá hỗ trợ rằng cơ xương thịt bò là một mặt hàng an toàn liên quan đến việc truyền LSD. Không có biện pháp quản lý rủi ro an toàn sinh học cụ thể nào cho các yêu cầu được quốc tế chấp nhận để sản xuất thịt bò cho con người được xem là cần thiết để giải quyết rủi ro này.  Có thể truy cập bản đánh giá dự thảo tại https://www.agriculture.gov.au/biosecuritytrade/policy/risk-analysis/animal/fresh-chilled-frozen-beef/reports.  Các đối tác thương mại được mời đóng góp ý kiến cho bản dự thảo đánh giá cho đến ngày 26 tháng 7 năm 2023 (thời gian lấy ý kiến là 30 ngày). |
| 72 | G/SPS/N/JPN/1212 | ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT | Nhật Bản | 22/6/2023 | Sửa đổi các Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. | Sửa đổi các thông số kỹ thuật đối với nhựa tổng hợp sử dụng cho thiết bị, thùng chứa và bao bì thực phẩm. |
| 73 | G/SPS/N/EU/645 | ATTP, CT | Liên minh châu Âu | 22/6/2023 | Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II của Quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu và Phụ lục của Quy định của Ủy ban (EU) số 231/2012 liên quan đến phụ gia thực phẩm stearyl tartrate (E 483) | Văn bản loại bỏ việc cho phép sử dụng stearyl tartrate (E 483) trong thực phẩm dựa trên quan điểm khoa học gần đây từ Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (EFSA) đã kết luận rằng không thể đánh giá được độ an toàn của stearyl tartrate (E 483).  Để quá trình chuyển đổi suôn sẻ, văn bản quy định rằng các loại thực phẩm có chứa stearyl tartrate (E 483) được sử dụng theo các quy tắc áp dụng trước ngày áp dụng Quy định có thể tiếp tục được bán trên thị trường cho đến ngày hạn sử dụng tối thiểu hoặc 'hạn sử dụng' |
| 74 | G/SPS/N/USA/3392 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 21/6/2023 | Mefenoxam; Dung sai thuốc trừ sâu. Quy tắc cuối cùng | Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ đã nhận được một số hồ sơ ban đầu về đơn kiến nghị thuốc trừ sâu yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. |
| 75 | G/SPS/N/USA/3391 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 21/6/2023 | Mefenoxam; Dung sai thuốc trừ sâu. Quy tắc cuối cùng | Dự thảo Quy định này thiết lập các dung sai đối với dư lượng mefenoxam trong hoặc trên nhiều mặt hàng. |
| 76 | G/SPS/N/PAN/74 | TY | Panama | 21/6/2023 | Quy chuẩn kỹ thuật DGNTI 8-2023. Thịt và các sản phẩm từ thịt. Xúc xích. | Quy định được thông báo thiết lập các định nghĩa và thông số kỹ thuật chung cho xúc xích dùng cho người |
| 77 | G/SPS/N/NZL/724 | BVTV | Niu Di-lân | 21/6/2023 | Tiêu chuẩn y tế nhập khẩu: ngũ cốc và hạt để tiêu dùng, thức ăn hoặc chế biến. | Bộ các ngành công nghiệp cơ bản của Niu Di-lân đề xuất sửa đổi tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu đối với ngũ cốc và hạt để tiêu dùng, thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến. Việc sửa đổi bao gồm:  a. Loại bỏ *Liposcelis entomophila (Liposcelis entomophilus*) khỏi danh sách dịch hại đối với *Zea mays*;  b. Loại bỏ *Dinoderus minutus* khỏi danh sách dịch hại đối với *Zea mays*;  c. Loại bỏ bệnh hắc lào cà chua (TBRV) khỏi danh mục dịch hại đối với *Phaseolus* spp. |
| 78 | G/SPS/N/CAN/1513 | ATTP, BVTV | Canada | 21/6/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Chloropicrin (PMRL2023-31). | Tài liệu được thông báo PMRL2023-31 là để tham vấn về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với chloropicrin đã được đề xuất bởi Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,025 | Cuống, thân và cuống lá (nhóm cây trồng 22)2 |   1ppm = phần triệu  2MRL được đề xuất để thay thế MRL hiện được thiết lập là 0,025 ppm trong/trên măng tây, rai ca đông, cần tây, Rau diếp ngồng, cần tây Trung Quốc, lá và thân cây tiêu hồi hương tươi, .v.v.. Điều này sẽ dẫn đến một MRL duy nhất sẽ được áp dụng cho tất cả các mặt hàng trong nhóm cây trồng 22. |
| 79 | G/SPS/N/CAN/1512 | ATTP, BVTV | Canada | 21/6/2023 | Giới Hạn Dư Lượng Tối Đa Được Đề Xuất: Cyflumetofen (PMRL2023-30). | Tài liệu được thông báo PMRL2023-30 tham vấn về các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với cyflumetofen đã được Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 30 | Hoa bia (nón khô) | | 1,5 | Anh đào (nhóm cây trồng 12-09A) | | 0,4 | Quả đào (phân nhóm cây trồng 12-09B) | | 0.3 | Mận (nhóm cây trồng 12-09C) |   1ppm = phần triệu |
| 80 | G/SPS/N/CAN/1511 | ATTP, BVTV | Canada | 21/6/2023 | Giới Hạn Dư Lượng Tối Đa Được Đề Xuất: Spiromesifen (PMRL2023-32). | Tài liệu được thông báo PMRL2023-32 tham vấn về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với spiromesifen đã được đề xuất bởi Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 1,0 | Hành lá (nhóm cây trồng 3-07B) |   1ppm = phần triệu |
| 81 | G/SPS/N/CAN/1510 | ATTP, BVTV | Canada | 21/6/2023 | Giới Hạn Dư Lượng Tối Đa Được Đề Xuất: Acequinocyl (PMRL2023-33) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-33 tham vấn về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với acequinocyl đã được đề xuất bởi Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 3,0 | Dâu tây (phân nhóm cây trồng 13-07B) |   1ppm = phần triệu |

**2. Danh sách quy định đã được thông qua hoặc có hiệu lực**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia/khu vực** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/JPN/1169 /Add.1 | ATTP, TY, BVTV | Nhật Bản | 20/7/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi của tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) đối với isofetamid được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1166 (ngày 6 tháng 01 năm 2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 31 tháng 5 năm 2023.  Các MRL được chỉ định có sẵn như sau:  https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23\_11174\_00\_e.pdf  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua hoặc có hiệu lực của quy định |
| 2 | G/SPS/N/JPN/1168 /Add.1 | ATTP, TY, BVTV | Nhật Bản | 20/7/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi của tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) đối với Isofetamid được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1166 (ngày 06 tháng 01 năm 2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 31 tháng 5 năm 2023.  Các MRL được chỉ định có sẵn như sau:  https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23\_11173\_00\_e.pdf  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua hoặc có hiệu lực của quy định |
| 3 | G/SPS/N/JPN/1167 /Add.1 | ATTP, TY, BVTV | Nhật Bản | 20/7/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi của tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) đối với Isofetamid được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1166 (ngày 06 tháng 01 năm 2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 31 tháng 5 năm 2023.  Các MRL được chỉ định có sẵn như sau:  https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23\_11172\_00\_e.pdf  Phụ lục này liên quan đến:  Thông báo về việc thông qua hoặc có hiệu lực của quy định |
| 4 | G/SPS/N/JPN/1166 /Add.1 | ATTP, TY, BVTV | Nhật Bản | 20/7/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi của tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) đối với Isofetamid được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1166 (ngày 06 tháng 01 năm 2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 31 tháng 5 năm 2023.  Các MRL được chỉ định có sẵn như sau:  https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23\_11171\_00\_e.pdf  Phụ lục này liên quan đến:  Thông báo về việc thông qua hoặc có hiệu lực của quy định |
| 5 | G/SPS/N/JPN/1165 /Add.1 | ATTP, TY, BVTV | Nhật Bản | 20/7/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi của tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRLs) đối với Isofetamid được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1166 (ngày 06 tháng 01 năm 2023) đã được thông qua và công bố vào ngày 31 tháng 5 năm 2023.  Các MRL được chỉ định có sẵn như sau:  https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23\_11170\_00\_e.pdf  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 6 | G/SPS/N/CAN/1500 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 19/7/2023 | Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: Mandestrobin | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (PMRL) cho mandestrobin được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1500 (ngày 3 tháng 5 năm 2023) được thông qua vào ngày 17 tháng 7 năm 2023. Các MRL được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp trực tiếp bên dưới:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 4,0 | Rau diếp lá | | 0,08 | xà lách |   1ppm = phần triệu  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua hoặc có hiệu lực của quy định |
| 7 | G/SPS/N/CAN/1499 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 19/7/2023 | Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa : Clopyralid | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa đề xuất (PMRL) cho clopyralid được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1499 (ngày 3 tháng 5 năm 2023) được thông qua vào ngày 17 tháng 7 năm 2023. Các MRL được thiết lập thông qua việc gia nhập cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp trực tiếp bên dưới:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,4 | Hành củ (nhóm cây trồng 3-07A) | | 0,1 | Dâu tây (phân nhóm cây trồng 13-07B)2 |   1ppm = phần triệu  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua hoặc có hiệu lực của quy định |
| 8 | G/SPS/N/NZL/721 /Add.1 | BVTV | Niu Di-lân | 18/7/2023 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu sửa đổi đối với hạt giống để gieo trồng | Sửa đổi các yêu cầu thử nghiệm đối với hạt *Phaseolus* và *Pisum* để gieo, cũng như thử nghiệm trước khi xuất khẩu hiện có tùy chọn kiểm tra các lô hàng hạt giống để gieo khi đến biên giới ở NewZealand  Sửa đổi quy định đối với virus gây kết lá dạng quạt trên nho. Theo ghi nhận xác định "các chủng không có trong Niu Di-lân" bởi đã có quy định gây hải của virus gây kết lá dạng quạt trên nho.  Sửa đổi quy định về raspberry ringspot virus. Theo ghi nhán xác định " raspberry ringspot virus " có mặt ở Niu Di-lân, nhưng các quy định gây hại khác và tác động không mong muốn.  Thông qua ngày: 12 tháng 7 năm 2023.  https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/NZL/23\_11111\_00\_e.pdf  Phụ lục này liên quan đến:  [X] Thông báo về việc thông qua hoặc có hiệu lực của quy định  [X] Sửa đổi nội dung và/hoặc phạm vi dự thảo quy định đã thông báo trước đó |
| 9 | G/SPS/N/NZL/720 /Add.1 | BVTV | Niu Di-lân | 18/7/2023 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu sửa đổi đối với cây *Prunus* để trồng | Thêm ba loại dịch hại đã được loại khỏi danh mục dịch hại thuộc diện điều chỉnh đối với cây *Prunus* để trồng xuất khẩu sang NewZealand. American plum line pattern virus, Little cherry virus-2, và Plum bark necrosis stem pitting-associated virus..  Sửa đổi quy định raspberry ringspot virus. Theo ghi nhận hiện xác định " raspberry ringspot virus" có mặt ở Niu Di-lân, nhưng các quy định gây hại khác vẫn còn và tác động không mong muốn.  Thông qua ngày: 12 tháng 7 năm 2023.  **https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/NZL/23\_11110\_00\_e.pdf**  Phụ lục này liên quan đến:  [X] Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định  [X] Sửa đổi nội dung và/hoặc phạm vi dự thảo quy định đã thông báo trước đó |
| 10 | G/SPS/N/NZL/719 /Add.1 | BVTV | Niu Di-lân | 18/7/2023 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu sửa đổi để nhập khẩu cây ươm | Sửa đổi quy định đối với grapevine fanleaf virus. Theo ghi nhận không còn "không gây hại ở Niu Di-lân" bởi vì đã có các quy định về gây hại của grapevine fanleaf virus.  Sửa đổi quy định về raspberry ringspot virus. Theo ghi nhận hiện xác định "raspberry ringspot virus" có mặt ở Niu Di-lân, nhưng các quy định gây hại khác vẫn còn và tác động không mong muốn.  Thông qua ngày: 12 tháng 7 năm 2023.  https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/NZL/23\_11109\_00\_e.pdf  Phụ lục này liên quan đến:  [X] Thông báo về việc thông qua hoặc có hiệu lực của quy định  [X] Sửa đổi nội dung và/hoặc phạm vi dự thảo quy định đã thông báo trước đó |
| 11 | G/SPS/N/NZL/718 /Add.1 | BVTV | Niu Di-lân | 18/7/2023 | Sửa đổi tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu đối với cây có múi để trồng | Tiêu chuẩn sức khoẻ nhập khẩu đối với cây có múi bao gồm yêu cầu chung về cây có múi, yêu câu cụ thể, tranh tra và chứng chỉ kiểm dịch.  Thông qua ngày: 12 tháng 7 năm 2023.  https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/NZL/23\_11108\_00\_e.pdf  Phụ lục này liên quan đến:  [X] Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định  [X] Sửa đổi nội dung và/hoặc phạm vi dự thảo quy định đã thông báo trước đó |
| 12 | G/SPS/N/NZL/717 /Add.1 | BVTV | Niu Di-lân | 18/7/2023 | Tiêu chuẩn sức khoẻ nhập khẩu cho cây *Actinidia* để trồng | Tiêu chuẩn sức khoẻ nhập khẩu đối với cây *Actinida* bao gồm yêu cầu chung về cây *Actinidia*, yêu câu cụ thể, tranh tra và chứng chỉ kiểm dịch.  Thông qua ngày: 12 tháng 7 năm 2023.  **https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/NZL/23\_11107\_00\_e.pdf**  Phụ lục này liên quan đến:  [X] Thông báo về việc thông qua hoặc có hiệu lực của quy định  [X] Sửa đổi nội dung và/hoặc phạm vi dự thảo quy định đã thông báo trước đó |
| 13 | G/SPS/N/TPKM/608 /Add.1 | ATTP, TY | Đài Loan | 13/7/2023 | Tiêu chuẩn giới hạn dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm | Đề xuất sửa đổi Quy chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm ngày 23 tháng 2 năm 2023 (G/SPS/N/TPKM/608) đã được hoàn thiện. Ấn bảncuối cùng của Tiêu chuẩn sẽ có hiệu lực vào ngày 13 tháng 7 năm 2023.  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua hoặc có hiệu lực của quy định |
| 14 | G/SPS/N/KOR/725 /Add.1 | BVTV | Hàn Quốc | 13/7/2023 | Sửa đổi các khu vực và cây trồng liên quan đến bệnh Sồi gây chết đột ngột (SOD) | Cơ quan Kiểm dịch Động thực vật (APQA), Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn (MAFRA) Hàn Quốc đã sửa đổi biện pháp kiểm dịch thực vật đối với bệnh đột tử sồi (SOD), một trong những loài dịch hại bị cấm ở Hàn Quốc. Biện pháp này dựa trên kết quả phân tích nguy cơ dịch hại (PRA) và cũng đã xem xét các góp ý từ các đối tác thương mại.  Các lô hàng mang các mầm bênh trừ hạt giống (chẳng hạn như cành dâm gồm (cành và mầm), vỏ cây, thân cây có vỏ là cây ký chủ (và/hoặc cây có liên quan) từ các khu vực bị cấm (và/hoặc được quy định) sẽ bị cấm. Tuy nhiên, một số lô hàng đã nhập khẩu vào Hàn Quốc, bằng cách đính kèm giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật với tờ khai bổ sung (xem phần đính kèm).  Thông tin đầy đủ về các biện pháp kiểm dịch thực vật và các khu vực/thực vật liên quan đến chết đột tử sồi (SOD) có sẵn trong tài liệu đính kèm (có sẵn bằng tiếng Anh).  Biện pháp này sẽ được áp dụng đối với lô hàng được vận chuyển vào và sau ngày 28 tháng 8 năm 2023.  [Đính kèm] Các Biện pháp và Danh sách các Khu vực/Thực vật liên quan đến Bệnh Sồi chết đột ngột (SOD)  https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/KOR/23\_10971\_00\_e.pdf  Phụ lục này liên quan đến: Sửa đổi các khu vực và thực vật liên quan đến bệnh đột tử sồi (SOD) |
| 15 | G/SPS/N/CAN/1490 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 13/7/2023 | Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: Piperonyl butoxide | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (PMRL) đối với piperonyl butoxide được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1490 (ngày 13 tháng 3 năm 2023) được thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023. Theo PMRL2023-16, việc thu hồi MRL đối với piperonyl butoxide trên ngũ cốc thô sẽ có hiệu lực cho phép đủ thời gian cho các hàng hóa được xử lý hợp pháp thông qua các kênh thương mại. Dự kiến sẽ hủy bỏ trong cơ sở dữ liệu MRL vào ngày 02 tháng 3 năm 2026, 36 tháng kể từ ngày xuất bản RVD2023-07 (xuất bản ngày 2 tháng 3 năm 2023).  MRL được thiết lập ở Canada có thể được tìm thấy bằng cách sử dụng Cơ sở dữ liệu Giới hạn Dư lượng Tối đa của Bộ Y tế Canada (https://pest-control.canada.ca/pesticide-registry/en/mrl-search.html) về Dư lượng tối đa giới hạn, sức khỏe con người và trang web an toàn thực phẩm (https://www.canada.ca/en/healthcanada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/protecting-yourhealth-environment/pesticides-food/ maximum-residue-pesticides.html). Cơ sở dữ liệu cho phép người dùng để tìm kiếm thuốc trừ sâu hoặc hàng hóa thực phẩm.  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 16 | G/SPS/N/CAN/1489 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 13/7/2023 | Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: Pyrethrins | Theo PMRL2023-15, việc thu hồi MRL đối với pyrethrins trên ngũ cốc thô sẽ có hiệu lực cho phép đủ thời gian để các hàng hóa được xử lý hợp pháp thông qua các kênh thương mại. Dự kiến áp dụng việc hủy bỏ trên cơ sở dữ liệu MRL sẽ là vào ngày 02 tháng 3 năm 2026, 36 tháng kể từ ngày công bố của RVD2023-06 (xuất bản ngày 2 tháng 3 năm 2023).  MRL được thiết lập ở Canada có thể được tìm thấy bằng cách sử dụng Cơ sở dữ liệu Giới hạn Dư lượng Tối đa của Bộ Y tế Canada (https://pest-control.canada.ca/pesticide-registry/en/mrl-search.html) về Dư lượng tối đa giới hạn, sức khỏe con người và trang web an toàn thực phẩm (https://www.canada.ca/en/healthcanada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/protecting-yourhealth-environment/pesticides-food/ maximum-residue-pesticides.html). Cơ sở dữ liệu cho phép người dùng để tìm kiếm thuốc trừ sâu hoặc hàng hóa thực phẩm.  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 17 | G/SPS/N/TPKM/607 /Add.1 | BVTV | Đài Loan | 29/6/2023 | Hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với trans-Resveratrol được sản xuất bởi chủng Saccharomyces cerevisiae biến đổi gen EFSC4687 như một thành phần thực phẩm | Đề xuất "Hạn chế sử dụng và Yêu cầu ghi nhãn đối với trans-Resveratrol được sản xuất bởi chủng *Saccharomyces cerevisiae* biến đổi gen EFSC4687 như một thành phần thực phẩm" theo thông báo G/SPS/N/TPKM /607 ngày 23 tháng 2 năm 2023 đã được ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2023 và có hiệu lực cùng ngày.  Mối quan tâm của phụ lục này: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |

Chi tiết đăng tải các thông báo tại website: [www.spsvietnam.gov.vn](http://www.spsvietnam.gov.vn)